

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày 29-05-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đồi.

2. Ông Nguyễn Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Tín - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 04 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 45 ngày 05/05/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A-** Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Từ T** - chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình L**- chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Người được ủy quyền: Bà **Xà Thị Bích H** - chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: Số 218 Bạch Đằng, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền số: 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A và Giấy ủy quyền số: 1245/UQ-QLN.22 ngày 06/12/2022 của Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP A. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh T**; Sinh năm: 1979 hiện đang chấp hành án tại trại giam Bình Điện và bà **Nguyễn Thị T**; Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Nguyễn Công Trứ, phường Phước M, quận S thành phố Đ; Ông T có đơn xin vắng mặt, bà Tg vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Xà Thị Bích H trình bày:*

Ngày 9 tháng 7 năm 2021, ngân hàng A ký 2 hợp đồng tín dụng số TPC.CN.466.090721 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T vay 300.000.000 đồng. Mục đích cho vay: Tiêu dùng có tài sản bảo đảm – Tiêu dùng khác phù hợp quy định pháp luật – cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, chi phí học tập, chi phí khám sức khỏe; Phương thức cho vay: từng lần; Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu;

Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng này, ngân hàng A đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T bằng Khế ước nhận nợ Số 01 (Số tài khoản vay 340166579) như sau: Ngày ký & giải ngân: Ngày 12/7/2021, Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng, Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 20649077 của bà Nguyễn Thị T tại ngân hàng A, Thời hạn cho vay: Từ ngày 13/7/2021 đến ngày 12/7/2031, Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 10%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng đầu tiên, Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3.9%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình vay vốn, từ ngày giải ngân đến ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T đã trả được 22.822.526 đồng nợ gốc và 37.313.082 đồng nợ lãi. Tổng cộng 60.135.608 đồng.

Tính đến ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T còn nợ 307.548.734 đồng (trong đó nợ gốc 277.177.474 đồng, lãi trong hạn 2.240.927 đồng, lãi quá hạn 27.588.431 đồng, phạt chậm trả lãi 571.902 đồng).

Ngày 9 tháng 7 năm 2021, ngân hàng A cấp tín dụng số TPC.CN.272.090721 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng cấp tín dụng với số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích cho vay: Tiêu dùng có tài sản bảo đảm. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.

Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, ngân hàng A đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T bằng Khế ước nhận nợ Số 01 (Số tài khoản vay 340161109) như sau: Ngày ký & giải ngân: Ngày 12/7/2021, Số tiền giải ngân: 700.000.000 đồng, Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 20649077 của bà Nguyễn Thị T tại ngân hàng A, Thời hạn cho vay: Từ ngày 13/7/2021 đến 12/7/2031, Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 10%/năm cố

định trong thời hạn 12 tháng đầu tiên, Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = $LS_{13} + 3.9\%/năm$, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình vay vốn, từ ngày giải ngân đến ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T đã trả được 79.744.075 đồng nợ gốc và 87.330.239 đồng nợ lãi. Tổng cộng 167.074.314 đồng.

Tính đến ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T còn nợ 689.850.350 đồng (trong đó nợ gốc 620.255.925 đồng, lãi trong hạn 5.227.979 đồng, lãi quá hạn 63.011.938 đồng, phạt chậm trả lãi 1.354.508 đồng).

Tính đến ngày 29/5/2023, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T còn nợ 21.591.004 đồng (trong đó nợ gốc 17.106.539 đồng, lãi quá hạn 4.484.465 đồng).

Để đảm bảo cho khoản nợ nêu trên ông T và bà T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ 19, phường Phước M, quận S thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 470671, sổ vào sổ cấp GCN: H07153 do Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/12/2007.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau, buộc:

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/5/2023 là Vốn gốc: 935.965.430 đồng, lãi trong hạn 7.468.906 đồng, lãi quá hạn 103.644.553 đồng, phạt chậm trả 1.926.410 đồng. Tổng cộng 1.049.005.299 đồng.

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Nếu ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ 19, phường Phước M, quận S thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, ngân hàng A kính đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho ngân hàng A chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 11.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 16/03/2023 có ý kiến sau: Ông Nguyễn Thanh T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Á. Vợ chồng ông có ký kết hợp đồng tín dụng TPC.CN424090721 ngày 09/07/2021 và hợp đồng TPC.CN272090721 ngày 09/07/2021 vay tổng số tiền 02 hợp đồng là 1.000.000.000 đồng. Vợ chồng ông còn vay 02 thẻ tín dụng tổng số tiền là 40.000.000 đồng để đảm bảo các khoản vay đó nên vợ chồng ông đã thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32 tại tổ 19 phường Phước M, quận S thành phố Đ thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK.470671 do Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/12/2007.*

Trong quá trình vay vợ chồng ông đã trả được 920.057.157 đồng. Kể từ đó đến nay ông Nguyễn Thanh T đang chấp hành án tại trại giam Bình Điện nên không có khả năng trả nợ. Nay ngân hàng yêu cầu khởi kiện ông đồng ý với mức lãi suất cũng như tiền gốc và theo hợp đồng tín dụng nói trên tính tới thời điểm ngày 16/03/2023 là 1.044.108.154 đồng, trong đó tiền gốc là 966.759.576 đồng, tiền lãi trong hạn là 746.896 đồng, lãi quá hạn là 69.074.291 đồng, chậm trả 805.384 đồng.

Hiện nay đang chấp hành án nên ông Nguyễn Thanh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong các phiên hoà giải cũng như xét xử vụ án.

** Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.*

Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX: cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Á số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là **997.399.084 đồng**, trong đó nợ gốc: 897.433.399 đồng, lãi trong hạn 7.468.906 đồng, lãi quá hạn 90.570.369 đồng, phạt chậm trả lãi 1.926.410 đồng. Ông T và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là **30.015.211 đồng**, trong đó nợ gốc 21.425.492 đồng, lãi quá hạn 8.589.719 đồng. Ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là **21.591.004 đồng**, trong đó nợ gốc 17.106.539 đồng, lãi quá hạn 4.484.465 đồng. Bà Trang còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671, địa chỉ thửa đất: Lô đất tại tổ 19 phường Phước M, quận S thành phố Đ; diện tích đất :121,60 m²; số thửa: 34; tờ bản đồ: 32 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 19/12/2007 ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp ông T và bà T hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng Á phải hoàn trả lại cho ông T và bà T 01 Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 19/12/2007 ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Á với ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngân hàng Á là nguyên đơn trong vụ án đã có mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng Á tổng số nợ còn thiếu theo Hợp đồng Tín dụng số TPC.CN.424.090721 và Hợp đồng tín dụng số TPC.CN.272.090721 tính đến ngày 29/5/2023 số tiền nợ gốc là 897.433.399 đồng, lãi trong hạn 7.468.906 đồng, lãi quá hạn 90.570.369 đồng, phạt chậm trả 1.926.410 đồng. Tổng cộng 997.399.084 đồng. Buộc ông T và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Á tổng số tiền nợ còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 29/5/2023 số tiền nợ gốc là 38.532.031 đồng, lãi quá hạn 13.074.184 đồng. Tổng cộng 51.606.215 đồng. Buộc ông T và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nợ tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T không trả số tiền nói trên thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và các phiên họp nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án ông T và bà T có nợ Ngân hàng Á tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số TPC.CN.424.090721 ngày 09/07/2021 và hợp đồng tín dụng số TPC.CN.272.090721 ngày 09/07/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Á với ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T và bà T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Tạm tính đến ngày 29/05/2023, tổng số tiền ông T và bà T còn nợ Ngân hàng Á của hợp đồng tín dụng số TPC.CN.424.090721 ngày 09/07/2021 và hợp đồng TPC.CN.272.090721 ngày 09/07/2021 số tiền nợ gốc là 897.433.399 đồng. Do vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng Á đã khởi kiện. Việc khởi kiện của Ngân hàng Á yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lãi suất: HĐXX xét thấy: Đối với khoản tiền lãi mà Ngân hàng tạm tính đến ngày 29/05/2023 lãi trong hạn 7.468.906 đồng, lãi quá hạn 90.570.369 đồng, phạt chậm trả 1.926.410 đồng. Do ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã yêu cầu ông T và bà T phải trả lãi theo lãi suất trong hạn: 10%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng đầu tiên, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông T, bà T phải trả là phù hợp với quy định về lãi suất của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 29/5/2023 số tiền nợ gốc là 38.532.031 đồng, lãi quá hạn 13.074.184 đồng. Tổng cộng 51.606.215 đồng.

HĐXX xét thấy, thẻ tín dụng số 3567*****0501 cấp ngày 14/7/2021 với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng thể hiện chỉ một mình ông T ký đề nghị vay nên buộc cá nhân ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 21.425.492 đồng, lãi quá hạn 8.589.719 đồng. Tổng cộng 30.015.211 (tính đến ngày 29/5/2023). Đối với thẻ tín dụng số 3567*****7580 cấp ngày 10/7/2021 với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng thể hiện chỉ một mình bà T ký đề nghị vay nên buộc cá nhân bà T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 17.106.539 đồng, lãi quá hạn 4.484.465 đồng. Tổng cộng 21.591.004 (tính đến ngày 29/5/2023).

[6] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng nói trên và giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671, địa chỉ thửa đất: Lô đất tại tổ 19 phường Phước M, quận S thành phố Đ; có diện tích đất: 121,60 m²; số thửa: 34; tờ bản đồ: 32 theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 19/12/2007 số vào sổ: H07153 đứng tên ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ cho Ngân hàng Á được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nếu ông T và bà Hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng Á phải hoàn trả lại cho ông T và bà T01 Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 19/12/2007 số vào sổ: H07153 đứng tên ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Á được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu là $(36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 197.399.084 \text{ đồng}) = \mathbf{41.921.973 \text{ đồng}}$ (Bốn mươi một triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Án phí tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ (thẻ tín dụng) buộc ông Nguyễn Thanh T phải chịu là $(5\% \times 30.015.211 \text{ đồng}) = \mathbf{1.500.760 \text{ đồng}}$ (Một triệu, năm trăm ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng). Bà Nguyễn Thị T phải chịu là $(5\% \times 21.591.004 \text{ đồng}) = \mathbf{1.079.550 \text{ đồng}}$ (Một triệu không trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.163.065 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm sáu mươi lăm đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 00006628 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Ngân hàng Á đã nộp tạm ứng và chi xong. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu và hoàn lại số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) cho Ngân hàng Á

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ*" của Ngân hàng Á đối với ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng Á số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là **997.399.084 đồng**, trong đó nợ gốc: 897.433.399 đồng, lãi trong hạn 7.468.906 đồng, lãi quá hạn 90.570.369 đồng, phạt chậm trả lãi 1.926.410 đồng. Ông T và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là **30.015.211 đồng**, trong đó nợ gốc 21.425.492 đồng, lãi quá hạn 8.589.719 đồng. Ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho ngay Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 là **21.591.004 đồng**, trong đó nợ gốc 17.106.539 đồng, lãi quá hạn 4.484.465 đồng. Bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng tính kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671, địa chỉ thửa đất: Lô đất tại tổ 19 phường Phước M, quận S thành phố Đ; diện tích đất :121,60 m²; số thửa: 34; tờ bản đồ: 32 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 19/12/2007 ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp ông T và bà T hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng Á phải hoàn trả lại cho ông T và bà T01 Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AK.470671 do UBND quận Sơn Trà cấp ngày 19/12/2007 ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu là $(36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 197.399.084 \text{ đồng}) = \mathbf{41.921.973 \text{ đồng}}$ (Bốn mươi một triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Án phí tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ (thẻ tín dụng) buộc ông Nguyễn Thanh T phải chịu là $(5\% \times 30.015.211 \text{ đồng}) = \mathbf{1.500.760 \text{ đồng}}$ (Một triệu, năm trăm ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng). Bà Nguyễn Thị T phải chịu là $(5\% \times 21.591.004 \text{ đồng}) = \mathbf{1.079.550 \text{ đồng}}$ (Một triệu không trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.163.065 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm sáu mươi lăm đồng)

theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 00006628 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Ngân hàng Á đã nộp tạm ứng và chi xong. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu và hoàn lại số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) cho Ngân hàng Á.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Dương Thị Kim Nhung